TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22-10-2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Hồng Quân;**

Ông **Nguyễn Văn Sơn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 369/2018/TLST–HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2018, về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01-10-2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Anh Sơn Tăng X, sinh năm 1991; Địa chỉ: ẤP M, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-8-2018, bản tự khai nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Vào năm 2008, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Sơn Tăng X, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N vào ngày 20/5/2010, trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau ngày cưới vợ chồng sống bên gia đình chị,

trong thời gian sống chung anh X không lo làm ăn để lo cho cuộc sống gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nên anh X đã về bên gia đình anh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay.

Chị Đặng Thị T yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Sơn Tăng X.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009, chị không yêu cầu anh Sơn Tăng X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị Đặng Thị T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 25-9-2018 bị đơn anh Sơn Tăng X trình bày:

Anh và chị Đặng Thị T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã N, trong thời gian sống chung anh chị có 01 con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 con chung đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung:

Vợ chồng sống chung không hợp nên đã sống ly thân 02 năm nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn đoàn tụ và cũng không liên lạc với nhau, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu.

Anh Sơn Tăng X có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Cháu Sơn Thị Mỹ H có ý kiến trình bày: Cháu là con chung của chị T và anh Sơn Tăng X, cháu đang sống chung với chị T và có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; 01 chứng minh nhân dân tên Đặng Thị T; 01 sổ hộ khẩu gia đình tên Đặng Văn L (bản photo); Bị đơn không có cung cấp chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Sơn Tăng X thống nhất giao con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 cho chị Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Sơn

Tăng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đặng Thị T không có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Sơn Tăng X có hộ khẩu thường trú ở huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N vào ngày 20/5/2010 theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến anh chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, nên chị T yêu cầu ly hôn với anh Sơn Tăng X. Bị đơn anh X cũng thống nhất ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị T và anh X.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh X thống nhất giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Sự thỏa thuận này của chị T và anh X là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không có yêu cầu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55 Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X.

2. Về con chung: Anh Sơn Tăng X đồng ý giao con chung tên Sơn Thị Mỹ H, sinh ngày 15/6/2009 cho chị Đặng Thị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung, anh Sơn Tăng X không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đặng Thị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Sơn Tăng X thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017896, ngày 17-8-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Đặng Thị T đã nộp đủ án phí.

Bị đơn anh Sơn Tăng X không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm